

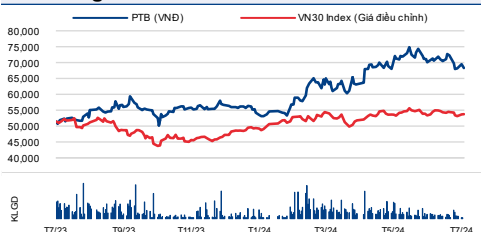
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ86,000
Tiềm năng tăng/giảm: 25.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2024)	68,300
Mã Bloomberg	PTB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	50,253-75,437
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	68,933
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,609
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	182
Slg CP lưu hành (tr.đv)	67.5
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	16.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.36
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	25.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.5%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	I - VN - overwrite nam (12.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	5,619	6,845	7,889
EBITDA đc (tỷ đồng)	684	854	1,002
LNTT (tỷ đồng)	323	517	642
LNT ĐC (tỷ đồng)	247	393	489
FCF (tỷ đồng)	606	(234)	231
EPS ĐC (đồng)	3,659	5,875	7,302
DPS (đồng)	2,500	2,500	3,000
BVPS (đồng)	40,687	44,320	49,442
T.trưởng EBITDA (%)	(32.9)	24.8	17.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(46.7)	60.6	24.3
Tăng trưởng DPS (%)	(16.7)	0	20.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.2	12.5	12.7
Tỷ suất LNTT (%)	5.74	7.55	8.14
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.40	5.75	6.20
Tỷ lệ LN trả CT (%)	68.3	42.6	41.1
Nợ thuần/VCSH (%)	47.2	58.8	52.7
ROAE (%)	9.13	13.8	15.6
ROACE (%)	15.2	19.2	21.6
EV/doanh thu (lần)	1.03	0.92	0.79
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.50	7.35	6.25
P/E ĐC (lần)	18.7	11.6	9.35
P/B (lần)	1.68	1.54	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	3.66	3.66	4.39

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

PTB là doanh nghiệp lớn về sản xuất đồ gỗ nội thất và chế biến đá; ngoài ra PTB còn là đại lý cho Toyota và đầu tư bất động sản.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: Lợi nhuận thuần tăng 9% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- PTB công bố KQKD Q2/2024 tích cực với lợi nhuận thuần đạt 111 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ và tăng 24% so với quý trước) trên doanh thu thuần 1.608 tỷ đồng (tăng 9% so với cùng kỳ và tăng 12% so với quý trước). Kết quả này sát với dự báo của HSC.
- Trong nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 3.045 tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ) và 200 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 45% và 49% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi.
- Cho năm Q3/2024, BLĐ đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 116 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ) trên doanh thu 1.560 tỷ đồng (tăng 31% so với cùng kỳ).
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với PTB, với giá mục tiêu 86.000đ (tiềm năng tăng giá 26%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

KQKD Q2/2024 của PTB sát với dự báo của HSC, với mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thuần 9% so với cùng kỳ nhờ mảng gỗ (HĐKD của các mảng khác kém tích cực). Chi tiết như sau.

Mảng gỗ: Dẫn dắt tăng trưởng

Mảng gỗ ghi nhận doanh thu tăng 22% trong cả Q2/2024 và nửa đầu năm 2024 đạt lần lượt 890 tỷ đồng và 1.793 tỷ đồng. Mức tăng trưởng trên của PTB phù hợp với xu hướng xuất khẩu của ngành gỗ & sản phẩm gỗ của Việt Nam. Ngành đã đạt mức tăng trưởng 20% trong Q2/2024 và 22% trong nửa đầu năm 2024. Mảng gỗ đóng góp lần lượt 55% doanh thu thuần của PTB trong Q2/2024, cao hơn mức 50% trong Q2/2023.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 8/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, PTB

Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 9% so với cùng kỳ % tăng 24% so với quý trước, đạt 111 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ	% đạt dự báo HSC
Doanh thu thuần	1,474	1,608	9.1%	11.9%	2,884	3,045	5.6%	44.5%
Lợi nhuận gộp	315	324	3.1%	7.1%	599	627		
Lợi nhuận HĐ tài chính	(27)	2	N/m	N/m	(59)	(10)		
Chi phí BH&QL	(159)	(181)	13.8%	0.1%	(336)	(362)		
Thu nhập thuần khác	(4)	(6)	66.0%	145.6%	(3)	(9)		
LNTT	124	138	11.5%	26.6%	201	248	23.4%	47.9%
Lợi nhuận thuần	101	111	9.2%	24.1%	164	200	21.8%	48.7%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	21.3%	20.2%			20.8%	20.6%		
Chi phí BH&QL/Doanh thu	-10.8%	-11.3%			-11.7%	-11.9%		
Tỷ suất LNTT	8.4%	8.6%			7.0%	8.1%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	6.9%	6.9%			5.7%	6.6%		

Nguồn: PTB, HSC

Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này giảm nhẹ xuống 20,7%, từ mức 21,3% trong Q2/2023 (nhưng cao hơn mức 20,6% trong Q1/2024).

Mảng đá: Kém khả quan, do nhu cầu thấp

Doanh thu mảng đá trong Q2/2024 giảm 5% so với cùng kỳ đạt 464 tỷ đồng và giảm 2% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2024 xuống 856 tỷ đồng, do tác động tiêu cực từ mức giảm 12% (so với cùng kỳ) của doanh thu xuất khẩu lớn hơn tác động tích cực từ mức tăng 3% doanh thu trong nước. Tỷ lệ đóng góp của mảng đá vào tổng doanh thu trong Q2/2024 giảm xuống 29% từ 33% trong Q2/2023.

Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này trong quý giảm đáng kể xuống 26,7%, từ mức 31,7% trong Q2/2023 (không đổi so với Q1/2024) do nhu cầu ở phân khúc sản phẩm đá granite giảm.

Các mảng khác: Kém tích cực

- Doanh thu mảng ô tô (phân phối xe Toyota) Q2/2024 đạt 241 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ), nhưng giảm 26% (so với cùng kỳ) trong nửa đầu năm 2024, do sức tiêu thụ của ngành ô tô giảm.
- Doanh thu mảng BĐS trong Q2/2024 tăng 11% so với cùng kỳ nhưng giảm 30% (so với cùng kỳ) trong nửa đầu năm 2024. PTB tiếp tục bàn giao những căn còn lại thuộc dự án Phú Tài Residence, với tiến độ bàn giao có vẻ chậm. Kết thúc nửa đầu năm 2024, giá trị tồn kho tại dự án này giảm nhẹ xuống 212 tỷ đồng từ mức 227 tỷ đồng vào cuối năm 2023.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% trong 3 tháng qua, PTB đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 là 11,7 lần và năm 2025 là 9,5 lần, tương đương với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,3 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 10,6 lần. Theo quan điểm của HSC, cổ phiếu xứng đáng được định giá lại ở mặt bằng cao hơn nhờ triển vọng tích cực và lợi nhuận tăng. Duy trì khuyến nghị Mua vào, với giá mục tiêu không 86.000đ (tiềm năng tăng giá: 26%).

Theo buổi thảo luận của chúng tôi với BLĐ, những thách thức liên quan đến khâu logistics (do tắc nghẽn tại các cảng quan trọng và dẫn đến tình trạng thiếu container, cũng như giá vận chuyển tăng cao) đã giảm đáng kể từ cuối tháng 7/2024 do các nhà nhập khẩu Mỹ ngừng đặt hàng tại Trung Quốc để tránh các chuyến hàng đến Mỹ sau ngày 1/8/2024 (do hàng hóa đến từ Trung Quốc sẽ bị tăng thuế nhập khẩu). HSC không nhận thấy rủi ro KQKD thực tế sẽ thấp hơn dự báo cho năm 2024.

Do đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo đối với PTB, với lợi nhuận thuần cho năm 2024-2025 đạt lần lượt 411 tỷ đồng (tăng trưởng 59%) và 510 tỷ đồng (tăng trưởng 24%). Cho Q3/2024, BLĐ đặt kế hoạch doanh thu đạt 1.560 tỷ đồng (tăng trưởng 31%) và LNTT đạt 166 tỷ đồng (tăng trưởng 23%). Chúng tôi dự báo LNTT Q3/2024 cao hơn một chút so với KHKD của BLĐ nhờ triển vọng tăng trưởng tích cực ở mảng gỗ và đa phục hồi ở mảng đá.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, PTB

Trong Q2/2024, mảng gỗ là động lực tăng trưởng doanh thu

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,474	1,608	9.1%	11.9%	2,884	3,045	5.6%
Đá	489	464	-5.1%	18.6%	877	856	-2.4%
Gỗ	732	890	21.6%	-1.4%	1,470	1,793	21.9%
Ô tô	242	241	-0.3%	83.6%	503	373	-25.9%
BDS	11	12	10.9%	14.4%	32	23	-29.4%

Nguồn: PTB

Bảng 3: Cơ cấu tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, PTB

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 giảm so với Q2/2023, chủ yếu do mảng đá suy giảm

	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ
Tổng	21.3%	20.2%	-1.2%	-0.9%	20.8%	20.6%	-0.2%
Đá	31.7%	26.7%	-5.0%	0.0%	29.7%	26.7%	-2.9%
Gỗ	21.3%	20.7%	-0.6%	0.1%	21.2%	20.7%	-0.5%
Ô tô	4.2%	4.5%	0.3%	-2.1%	2.7%	5.2%	2.5%
BDS	39.3%	37.2%	-2.1%	5.4%	40.7%	34.7%	-6.1%

Nguồn: PTB, HSC

Bảng 4: Kế hoạch Q/2024, PTB

Cho Q3/2024, BLĐ đặt kế hoạch LNTT là 116 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ)

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24 kế hoạch	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	9T2023	8T2024 Kế hoạch	% sv cùng kỳ
Doanh thu	1,187	1,560	31.4%	-3.0%	4,071	4,657	14.4%
LNTT	94	116	22.9%	-16.2%	295	364	23.3%
Tỷ suất LNTT	8.0%	7.4%			7.2%	7.8%	

Nguồn: PTB

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	6,887	5,619	6,845	7,889	8,917
Lợi nhuận gộp	1,540	1,144	1,388	1,648	1,876
Chi phí BH&QL	(795)	(688)	(794)	(915)	(1,034)
Thu nhập khác	68.7	18.5	22.5	25.9	29.3
Chi phí khác	(73.3)	(31.6)	(34.2)	(39.4)	(44.6)
EBIT	740	443	582	720	826
Lãi vay thuần	(126)	(113)	(65.7)	(77.8)	(88.5)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(6.95)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	614	323	517	642	738
Chi phí thuế TNDN	(112)	(63.3)	(103)	(128)	(148)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(15.1)	(1.70)	(2.72)	(3.37)	(3.88)
LNST không thường xuyên	(20.4)	(10.8)	(17.2)	(21.4)	(24.6)
Lợi nhuận thuần	467	247	393	489	562
Lợi nhuận thuần ĐC	467	247	393	489	562
EBITDA ĐC	1,019	684	854	1,002	1,121
EPS (đồng)	6,862	3,659	5,875	7,302	8,393
EPS ĐC (đồng)	6,862	3,659	5,875	7,302	8,393
DPS (đồng)	3,000	2,500	2,500	3,000	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	68.0	67.5	66.9	66.9	66.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	68.0	66.9	66.9	66.9	66.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	68.0	67.5	66.9	66.9	66.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	272	428	309	611	977
Đầu tư ngắn hạn	27.2	19.6	342	394	446
Phải thu khách hàng	793	881	1,027	1,183	1,338
Hàng tồn kho	1,757	1,466	1,848	2,114	2,372
Các tài sản ngắn hạn khác	206	146	178	205	231
Tổng tài sản ngắn hạn	3,055	2,941	3,704	4,508	5,364
TSCĐ hữu hình	1,773	1,719	1,587	1,457	1,308
TSCĐ vô hình	23.5	21.1	18.8	16.4	14.1
Bất động sản đầu tư	5.61	5.38	0	0	0
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	14.6	256	256	256	256
Tài sản dài hạn khác	367	321	382	439	494
Tổng tài sản dài hạn	2,183	2,323	2,244	2,168	2,071
Tổng cộng tài sản	5,238	5,264	5,948	6,676	7,435
Nợ ngắn hạn	1,476	1,553	1,893	2,181	2,466
Phải trả người bán	418	499	601	685	765
Nợ ngắn hạn khác	277	208	208	208	208
Tổng nợ ngắn hạn	2,310	2,352	2,789	3,168	3,538
Nợ dài hạn	152	116	120	126	129
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	15.2	19.1	19.1	19.1	19.1
Tổng nợ dài hạn	167	135	139	145	148
Tổng nợ phải trả	2,477	2,487	2,928	3,313	3,687
Vốn chủ sở hữu	2,687	2,724	2,967	3,310	3,695
Lợi ích cổ đông thiểu số	74.0	53.2	53.2	53.2	53.2
Tổng vốn chủ sở hữu	2,761	2,777	3,020	3,363	3,748
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,238	5,264	5,948	6,675	7,435
BVPS (đ)	39,496	40,687	44,320	49,442	55,202
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,356	1,241	1,703	1,696	1,618

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	740	443	582	720	826
Khấu hao	(279)	(241)	(271)	(282)	(294)
Lãi vay thuần	(126)	(113)	(65.7)	(77.8)	(88.5)
Thuế TNDN đã nộp	(126)	(116)	(103)	(128)	(148)
Thay đổi vốn lưu động	1,041	714	877	1,029	1,151
Khác	(1,087)	(509)	(1,639)	(1,414)	(1,524)
LCT thuần từ HKKD	735	778	(103)	381	477
Đầu tư TS dài hạn	(283)	(172)	(131)	(150)	(143)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	83.7	27.4	0	0	0
Khác	(9.72)	(268)	(61.5)	(56.2)	(55.3)
LCT thuần từ HĐĐT	(209)	(413)	(193)	(206)	(198)
Cổ tức trả cho CSH	(36.8)	0	(167)	(167)	(201)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(352)	4,209	343	295	288
Khác	0	(4,418)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(389)	(209)	176	127	86.8
Tiền & tương đương tiền đầu kì	136	272	428	309	611
LCT thuần trong kỳ	137	157	(119)	302	366
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.83)	(0.62)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	272	428	309	611	977
Dòng tiền tự do	452	606	(234)	231	335

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	22.4	20.4	20.3	20.9	21.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.8	12.2	12.5	12.7	12.6
Tỷ suất LNT (%)	6.78	4.40	5.75	6.20	6.30
Thuế TNDN hiện hành (%)	18.2	19.6	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	6.08	(18.4)	21.8	15.2	13.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	3.44	(32.9)	24.8	17.4	11.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(4.53)	(47.1)	59.3	24.3	14.9
Tăng trưởng EPS (%)	(31.8)	(46.7)	60.6	24.3	14.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(31.8)	(46.7)	60.6	24.3	14.9
Tăng trưởng DPS (%)	500	(16.7)	0	20.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.7	68.3	42.6	41.1	35.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	18.6	9.13	13.8	15.6	16.0
ROACE (%)	26.0	15.2	19.2	21.6	22.3
Vòng quay tài sản (lần)	1.29	1.07	1.22	1.25	1.26
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.99	1.76	(0.18)	0.53	0.58
Số ngày tồn kho	120	120	124	124	123
Số ngày phải thu	54.1	71.9	68.7	69.2	69.3
Số ngày phải trả	28.5	40.7	40.2	40.1	39.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	51.6	47.2	58.8	52.7	45.2
Nợ/tài sản (%)	31.7	32.6	34.5	35.3	35.6
EBIT/lãi vay (lần)	5.87	3.91	8.86	9.25	9.34
Nợ/EBITDA (lần)	1.63	2.51	2.41	2.35	2.36
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.32	1.25	1.33	1.42	1.52
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.87	1.03	0.92	0.79	0.69
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.89	8.50	7.35	6.25	5.52
P/E (lần)	9.95	18.7	11.6	9.35	8.14
P/E ĐC (lần)	9.95	18.7	11.6	9.35	8.14
P/B (lần)	1.73	1.68	1.54	1.38	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	4.39	3.66	3.66	4.39	4.39

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn